TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2020/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 22 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 144/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn T1, xã P1, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Phố T2, phường D, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành lập ngày 14 tháng 01 năm 2020;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14/01/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Thanh T và chị Phạm Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh T và chị Phạm Thị H tự nguyện thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh Nguyễn Thanh T và chị Phạm Thị H có 02 (hai) con chung là các cháu Nguyễn Lâm T3, sinh ngày 16/8/2009 đang ở với anh T và cháu Nguyễn Thanh L, sinh ngày 08/01/2012 đang ở với chị H. Anh T và chị H thỏa thuận: Anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Lâm T3; chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thanh L cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, tự lập được. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai và đều có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

2.3. Về phần tài sản: Anh T và chị H đều khẳng định anh, chị không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không vướng mắc về tài sản với người khác, không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản, công sức, nợ nần.

2.4. Về án phí: Anh T tự nguyện chịu toàn bộ 150.000đ, (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền anh T đã nộp tạm ứng án phí là 300.000đ, (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 005916 ngày 23/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P; anh T đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn. Hoàn trả anh Nguyễn Thanh T số tiền 150.000đ, (một trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã P1;
(*Số 45 ngày 11/12/2006*)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Đình Hiền